

toàn bộ công tác lương thực theo đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước; bảo đảm hoàn thành tốt nhiệm vụ và kế hoạch thu mua các loại lương thực, thu nhận các loại lương thực thuộc thuế nông nghiệp, bảo quản và phân phối các loại lương thực, nhằm phục vụ sản xuất, bảo đảm cung cấp lương thực cho nhu cầu của nhân dân và của Nhà nước.

**Điều 2.** — Tổng cục Lương thực có nhiệm vụ và quyền hạn:

1. Nghiên cứu và trình Hội đồng Chính phủ ban hành các chính sách, chế độ, thể lệ về lương thực; tổ chức và chỉ đạo thực hiện chính sách, chế độ, thể lệ ấy.

2. Nghiên cứu và trình Hội đồng Chính phủ phê chuẩn kế hoạch lương thực và chính sách giá cả lương thực; tổ chức và chỉ đạo thực hiện kế hoạch và chính sách giá cả ấy.

3. Tổ chức và chỉ đạo công tác thu mua thóc, gạo, ngô, khoai, sắn, các loại hoa màu khác có chất bột, các loại bột gạo, ngô, khoai, sắn... và công tác thu nhận các loại lương thực thuộc thuế nông nghiệp.

4. Tổ chức phân phối, cung cấp thóc, gạo, ngô, khoai, sắn và các loại bột gạo, ngô, khoai, sắn... cho nhu cầu của nhân dân và các cơ quan Nhà nước, và một phần nhu cầu về thức ăn cho gia súc.

5. Xây dựng và quản lý tốt hệ thống kho tàng, các nhà máy xay sát quốc doanh và các xưởng chế biến lương thực trực thuộc Tổng cục. Chỉ đạo việc quản lý và cải tạo các nhà máy xay sát công tư hợp doanh, các xí nghiệp hợp tác chế biến lương thực và các tổ chức hợp tác tiêu thương bán lương thực. Kiểm nghiệm và bảo quản tốt lương thực để tránh hư hao, tổn thất.

6. Quản lý tài sản, tài vụ, vật tư trong ngành, quản lý vốn của Nhà nước giao cho Tổng cục Lương thực.

7. Quản lý tổ chức, cán bộ, biên chế, lao động tiền lương trong ngành theo chế độ chung của Nhà nước.

Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công nhân cho toàn ngành lương thực.

**Điều 3.** — Tổng cục trưởng Tổng cục Lương thực chịu trách nhiệm trước Hội đồng Chính phủ lãnh đạo toàn bộ công tác của Tổng cục như điều 2 đã quy định. Các Tổng cục phó Tổng cục Lương thực giúp Tổng cục trưởng trong việc lãnh đạo chung và có thể được Tổng cục trưởng ủy nhiệm chỉ đạo từng phần công tác của Tổng cục.

Trong phạm vi quyền hạn của mình, trên cơ sở và để thi hành pháp luật, và các nghị định, nghị quyết, quyết định, thông tư chỉ thị của Hội đồng Chính phủ, Tổng cục trưởng Tổng cục Lương thực ra những thông tư, quyết định và kiểm tra các ngành các cấp trong việc thi hành những thông tư, quyết định ấy; sửa đổi hoặc bãi bỏ những quyết định không thích đáng của cơ quan cấp dưới thuộc ngành mình; đề nghị sửa đổi hoặc bãi bỏ những thông tư, quyết định không thích đáng có liên quan đến công

tác lương thực của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Hội đồng Chính phủ hay của Ủy ban hành chính địa phương.

**Điều 4.** — Tổ chức bộ máy của Tổng cục Lương thực gồm có:

- Văn phòng.
- Vụ Tổ chức cán bộ.
- Vụ Kế hoạch.
- Vụ Tài vụ.
- Cục Thu mua.
- Cục Cung cấp.
- Cục Kho vận.
- Cục Chế biến lương thực.
- Ban Thanh tra.
- Và các đơn vị sự nghiệp, xí nghiệp do Tổng cục quản lý.

Việc thành lập, sửa đổi hoặc bãi bỏ Văn phòng, các Vụ, Cục và các đơn vị tương đương do Hội đồng Chính phủ phê chuẩn.

Nhiệm vụ của Văn phòng, các Vụ, Cục và các đơn vị sự nghiệp, xí nghiệp thuộc Tổng cục quản lý sẽ quy định trong điều lệ tổ chức của Tổng cục Lương thực do Hội đồng Chính phủ phê chuẩn.

**Điều 5.** — Tổng cục trưởng Tổng cục Lương thực có trách nhiệm thi hành nghị định này.

Hà nội ngày 18 tháng 10 năm 1961

T.M. Hội đồng Chính phủ

Thủ tướng Chính phủ

PHẠM VĂN ĐỒNG

**NGHỊ ĐỊNH số 171-CP ngày 26-10-1961**  
quy định nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Ngân hàng Nhà nước Việt nam.

HỘI ĐỒNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ luật tổ chức Hội đồng Chính phủ ngày 14 tháng 7 năm 1960;

**NGHỊ ĐỊNH:**

**Điều 1.** — Ngân hàng Nhà nước Việt nam là cơ quan của Hội đồng Chính phủ có trách nhiệm quản lý tiền tệ và tín dụng theo đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước; bảo đảm hoàn thành tốt nhiệm vụ và kế hoạch phát hành, điều hòa lưu thông tiền tệ, thu chi tiền cho ngân sách Nhà nước, huy động vốn và cho vay, thanh toán trong nước và ngoài nước, quản lý và kinh doanh ngoại hối, kiểm tra bằng đồng tiền hoạt động kinh tế và tài chính của các xí nghiệp và tổ chức kinh tế, nhằm phát huy chức năng tiền tệ và tín dụng xã hội chủ nghĩa, tăng cường chế độ hạch toán kinh tế, củng cố sức mua của đồng tiền, thúc đẩy nền kinh tế quốc dân phát triển tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Ngân hàng Nhà nước Việt nam có tư cách pháp nhân và hoạt động theo chế độ hạch toán kinh tế, có vốn do Nhà nước cấp, có bảng kết toán cho toàn ngành.

**Điều 2.** — Ngân hàng Nhà nước Việt nam có nhiệm vụ và quyền hạn:

1. Nghiên cứu và trình Hội đồng Chính phủ ban hành các chính sách, thể lệ về ngân hàng; tổ chức và chỉ đạo thực hiện các chính sách, thể lệ ấy.

2. Nghiên cứu và trình Hội đồng Chính phủ phê chuẩn kế hoạch về tiền mặt, tín dụng; tổ chức và chỉ đạo thực hiện kế hoạch ấy. Cùng Bộ Tài chính, Bộ Ngoại thương xây dựng kế hoạch ngoại hối và kiểm tra đôn đốc việc thực hiện kế hoạch ấy.

3. Căn cứ vào kế hoạch tiền mặt đã được Hội đồng Chính phủ phê chuẩn, tổ chức thực hiện việc điều hòa lưu thông tiền tệ, quản lý tiền mặt, rút tiền khỏi lưu thông hay phát hành tiền.

4. Tổ chức việc huy động các nguồn tiền tạm thời chưa dùng đến (tiền quản lý, tiền gửi, tiền tiết kiệm), và phân phối cho các ngành kinh tế quốc dân dưới hình thức cho vay; kiểm soát việc sử dụng, luân chuyển vốn trong các xí nghiệp và các tổ chức kinh tế nhằm thúc đẩy hoàn thành tốt kế hoạch sản xuất và lưu thông; chỉ đạo các tổ chức tín dụng nhân dân để huy động vốn cho vay vào việc phục vụ sản xuất và kiến thiết ở nông thôn.

5. Tổ chức và thực hiện công tác thanh toán không dùng tiền mặt giữa các cơ quan, xí nghiệp và các tổ chức khác ở trong nước.

6. Bảo quản vốn ngoại tệ và kim khí quý của Nhà nước; quản lý và kinh doanh ngoại hối, kim khí quý, đá quý; phụ trách công tác thanh toán quốc tế về mậu dịch và phi mậu dịch; công bố tỷ giá hối đoái sau khi được Hội đồng Chính phủ duyệt, làm nhiệm vụ ngân hàng ngoại thương.

7. Tổ chức và thực hiện việc thu chi tiền theo dự toán ngân sách của Nhà nước; thực hiện việc thu nộp và cấp phát tiền theo yêu cầu của Bộ Tài chính; kiểm tra các cơ quan, xí nghiệp và các tổ chức kinh tế khác trong việc thực hiện các công tác trên.

8. Kiểm soát việc sử dụng quỹ tiền lương của các xí nghiệp quốc doanh và công tư hợp doanh.

9. Quản lý toàn bộ tài sản và tiền vốn của Ngân hàng Nhà nước Việt nam, thực hiện chế độ hạch toán kinh tế, chấp hành chế độ tài chính Nhà nước trong toàn ngành, làm báo cáo quyết toán toàn ngành cuối năm và thi hành chế độ lợi nhuận cho ngân sách Nhà nước.

10. Thông qua công tác quản lý tiền mặt, cho vay, thanh toán mà kiểm tra các tổ chức kinh tế có quan hệ tiền tệ và tín dụng với Ngân hàng Nhà nước Việt nam về việc chấp hành chế độ tài chính Nhà nước, việc sử dụng các khoản tiền vay và tiền gửi ở Ngân hàng Nhà nước Việt nam, việc bảo quản hàng hóa, nhằm bảo đảm các khoản tiền vay được sử dụng tốt và thi hành đúng đắn những quan hệ thanh toán giữa đơn vị mua và đơn vị bán.

11. Thực hiện chế độ cho vay có phân biệt đối xử: ưu đãi đối với các xí nghiệp đã hoàn thành tốt kế hoạch sản xuất, bảo đảm kế hoạch lợi nhuận và giữ gìn đầy đủ phương tiện lưu động; thi hành những biện pháp thu hồi nợ trước kỳ hạn, tính lãi suất cao hơn lãi suất thông thường, trích tài khoản khấu trừ nợ, cho vay theo biện pháp đặc biệt hoặc đình chỉ cho vay đối với các xí nghiệp và tổ chức kinh tế không hoàn thành kế hoạch sản xuất, không đảm bảo kế hoạch lợi nhuận, không giữ gìn đầy đủ phương tiện lưu động, không tôn trọng các chế độ tín dụng, thanh toán.

12. Yêu cầu các Bộ, các cơ quan, xí nghiệp, các hợp tác xã có tài khoản vãng lai hay tài khoản thanh toán ở Ngân hàng Nhà nước Việt nam, và các tổ chức kinh tế có quan hệ vay mượn với Ngân hàng Nhà nước Việt nam gửi cho Ngân hàng Nhà nước Việt nam những kế hoạch sản xuất, kỹ thuật, tài vụ, bảng cân đối vật tư, báo cáo kế toán và thống kê theo nhu cầu và thời hạn quy định.

13. Truy tố trước pháp luật những người hoặc tổ chức vi phạm luật lệ có liên quan đến công tác và tài sản của Ngân hàng Nhà nước Việt nam kể cả trong nước và ngoài nước.

14. Thi hành các hiệp định mà nước ta đã ký kết với nước ngoài về những điều khoản thuộc công tác ngân hàng; trong phạm vi ủy quyền của Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước Việt nam được ký kết với nước ngoài hay cơ quan hối đoái quốc tế các hiệp định về ngân hàng.

15. Căn cứ vào tính chất Ngân hàng Nhà nước Việt nam vừa là cơ quan quản lý hành chính, vừa là tổ chức kinh doanh có tư cách pháp nhân, Ngân hàng Nhà nước Việt nam phải đảm bảo thi hành đúng các chế độ, thể lệ của Nhà nước; Ngân hàng Nhà nước Việt nam chỉ chịu trách nhiệm về những trái khoản mà Chính phủ nước Việt nam dân chủ cộng hòa giao cho, còn những trái khoản mà Chính phủ không giao thì Ngân hàng Nhà nước Việt nam không chịu trách nhiệm; đối với những trái khoản của Ngân hàng Nhà nước Việt nam thì Chính phủ nước Việt nam dân chủ cộng hòa không chịu trách nhiệm.

16. Quản lý tổ chức, cán bộ, biên chế, lao động tiền lương, tài sản, tài vụ trong ngành theo chế độ chung của Nhà nước.

17. Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ để đáp ứng yêu cầu phát triển công tác của ngành. Thi hành những biện pháp nhằm cải tiến công tác và cải tiến kỹ thuật, nghiệp vụ ngân hàng.

**Điều 3.** — Tổng giám đốc Ngân hàng Nhà nước Việt nam chịu trách nhiệm trước Hội đồng Chính phủ và trước Quốc hội lãnh đạo toàn bộ công tác của Ngân hàng Nhà nước Việt nam theo như điều 2 đã quy định. Các Phó tổng giám đốc Ngân hàng Nhà nước Việt nam giúp Tổng giám đốc trong việc lãnh đạo chung và có thể được Tổng giám đốc ủy nhiệm chỉ đạo từng phần công tác của Ngân hàng Nhà nước Việt nam.

Tổng giám đốc Ngân hàng Nhà nước Việt nam có trách nhiệm quản lý hệ thống kho phát hành trong toàn quốc, và chỉ Tổng giám đốc mới có quyền ra lệnh xuất nhập kho phát hành, điều hòa vốn giữa các kho với nhau.

Trong phạm vi quyền hạn của mình, trên cơ sở và đề thi hành pháp luật, và các nghị định, nghị quyết, quyết định, thông tư, chỉ thị của Hội đồng Chính phủ, Tổng giám đốc Ngân hàng Nhà nước Việt nam ra những thông tư, quyết định và kiểm tra các ngành, các cấp trong việc thi hành những thông tư, quyết định ấy; sửa đổi hoặc bãi bỏ những quyết định không thích đáng của cơ quan cấp dưới thuộc ngành mình; đề nghị sửa đổi hoặc bãi bỏ những thông tư, quyết định không thích đáng có liên quan đến công tác ngân hàng của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Hội đồng Chính phủ hay của Ủy ban hành chính địa phương.

Điều 4. — Tổ chức bộ máy của Ngân hàng Nhà nước Việt nam gồm có:

- Văn phòng.
- Ban Thanh tra.
- Vụ Tổ chức và cán bộ.
- Vụ Kinh tế và kế hoạch.
- Vụ Kế toán và tài vụ.
- Vụ Phát hành và kho quỹ.
- Cục Tiết kiệm.
- Cục Ngoại hối, Ngân hàng ngoại thương.
- Cục Cho vay công nghiệp và vận tải.
- Cục Cho vay thương nghiệp.
- Cục Cho vay nông, lâm, ngư, diêm nghiệp.
- Cục Cho vay hợp tác xã nông nghiệp.
- Và các đơn vị sự nghiệp, xí nghiệp do Ngân hàng Nhà nước quản lý.

Việc thành lập, sửa đổi hoặc bãi bỏ Văn phòng, Ban, các Vụ, Cục và các đơn vị tương đương do Hội đồng Chính phủ phê chuẩn.

Nhiệm vụ của Văn phòng, Ban, các Vụ, Cục và các đơn vị sự nghiệp, xí nghiệp thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt nam quản lý sẽ quy định trong điều lệ tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt nam do Hội đồng Chính phủ phê chuẩn.

Điều 5. — Tổng giám đốc Ngân hàng Nhà nước Việt nam có trách nhiệm thi hành nghị định này.

Hà nội, ngày 26 tháng 10 năm 1961

T.M. Hội đồng Chính phủ

Thủ tướng Chính phủ

PHẠM VĂN ĐỒNG

**NGHỊ ĐỊNH số 172-CP ngày 26-10-1961**  
quy định nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Lao động.

HỘI ĐỒNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ luật tổ chức Hội đồng Chính phủ ngày 14 tháng 7 năm 1960,

## NGHỊ ĐỊNH :

Điều 1. — Bộ Lao động là cơ quan của Hội đồng Chính phủ có trách nhiệm quản lý công tác lao động tiền lương thuộc khu vực sản xuất và công tác an toàn xã hội theo đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước; bảo đảm hoàn thành tốt nhiệm vụ và kế hoạch công tác của Bộ, thanh tra việc thực hiện công tác lao động tiền lương, công tác an toàn xã hội ở các ngành, các cấp, nhằm sử dụng hợp lý sức lao động, đẩy mạnh tăng năng suất lao động, nâng cao dần đời sống vật chất và văn hóa của công nhân và nhân dân lao động, phục vụ tích cực cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và đấu tranh thống nhất nước nhà.

Điều 2. — Bộ Lao động có nhiệm vụ và quyền hạn :

1. Quản lý các lực lượng nhân công gồm có công nhân kỹ thuật, công nhân chuyên nghiệp, lao động phổ thông ở thành thị và ở nông thôn; chỉ đạo các việc: phân phối và cung cấp hợp lý nhân công theo nhu cầu của kế hoạch Nhà nước, huy động nhân dân tham gia lao động xây dựng chủ nghĩa xã hội, giải quyết việc làm cho những người chưa có việc.

2. Chỉ đạo công tác đào tạo công nhân kỹ thuật và bồi túc nghề nghiệp cho công nhân kỹ thuật theo kế hoạch Nhà nước.

3. Nghiên cứu và trình Hội đồng Chính phủ ban hành các chính sách, chế độ, thể lệ về tuyển dụng, sử dụng, điều chỉnh nhân công, về tổ chức lao động và tổ chức bộ máy quản lý xí nghiệp, về biên chế và bố trí nhân công theo yêu cầu của từng loại việc ở các cơ sở thuộc khu vực sản xuất, các cơ sở kinh doanh thương nghiệp, vận tải, bưu điện và các xí nghiệp phục vụ, giám đốc việc thực hiện các chính sách, chế độ, thể lệ ấy.

4. Chỉ đạo công tác bảo hộ lao động, an toàn lao động và cải thiện điều kiện lao động.

5. Chỉ đạo công tác tiền lương, tiền phụ cấp và tiền thưởng thuộc khu vực sản xuất (quốc doanh và công tư hợp doanh); chỉ đạo việc quy định tiền công ở mỗi địa phương.

6. Nghiên cứu và trình Hội đồng Chính phủ các chính sách, chế độ về bảo hiểm xã hội và phúc lợi tập thể cho cán bộ, công nhân, viên chức thuộc khu vực sản xuất (quốc doanh và công tư hợp doanh); theo dõi, kiểm tra việc thực hiện các chính sách, chế độ ấy.

Hướng dẫn và giúp đỡ các cơ quan hữu quan trong việc vận dụng các chính sách, chế độ ấy vào các hợp tác xã thủ công nghiệp, các xí nghiệp hợp tác, các hợp tác xã nông nghiệp.

7. Chỉ đạo công tác an toàn xã hội; quản lý các cơ sở sự nghiệp về an toàn xã hội thuộc Bộ phụ trách.

8. Đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ lao động tiền lương.

9. Quản lý tổ chức, cán bộ, biên chế, lao động tiền lương, tài sản, tài vụ của Bộ theo chế độ chung